

Bản án số: 08/2024/KDTM-ST.

Ngày: 21/8/2024.

V/v “Tranh chấp tín dụng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Bình.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Ly; Bà Phạm Xuân Đào.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Phước Lợi –Kiểm sát viên.

Ngày **21 tháng 08 năm 2024**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2024/TLST-KDTM ngày 10 tháng 5 năm 2024, về tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 426/2024/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (MB). Trụ sở: A L, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trung T, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện ủy quyền nguyên đơn: Ông Phạm Anh T1, chức vụ: Phó giám đốc M chi nhánh T4; địa chỉ: tầng C tòa nhà M, G V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện tham gia tố tụng của ông Phạm Anh T1 là: Ông Nguyễn Văn P, chức vụ: trưởng phòng thu hồi nợ - Công ty M; ông Đinh Thanh T2, chức vụ: chuyên viên xử lý nợ; ông Trần Quyết T3, chức vụ: chuyên viên xử lý nợ; ông Phan Trường S, chức vụ: chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: tầng C tòa nhà M, G V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. Có đơn xin vắng mặt.

**2. Bị đơn:**

**2.1.** Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1972; vắng mặt.

**2.2.** Bà Trương Thị L1, sinh năm 1972; vắng mặt.

Cùng cư trú: cùng ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bảng tự khai và biên bản hòa giải đại diện Ngân hàng TMCP Q trình bày: Ông Nguyễn Thành L là chủ hộ kinh doanh và bà Trương Thị L1 có vay vốn tại ngân hàng TMCP Q theo hợp đồng tín dụng như sau: hợp đồng tín dụng số 217504.21.464.15590190.TD, khế ước nhận nợ số LD2303029300 ngày 30/01/2023 lãi suất 10,8% đến hạn trả 30/12/2023 số tiền giải ngân 1.400.000.000đồng; khế ước LD2303126040 30/01/2023 lãi suất 10,8% đến hạn trả 31/12/2023 với số tiền giải ngân 1.400.000.000đồng. Ngoài khoản vay, ông L, bà L1 còn yêu cầu ngân hàng TMCP Q phát hành thẻ tín dụng hạn mức 40.000.000đồng.

Tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ tín dụng là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 118, tờ bản đồ số 56, diện tích 110,0m<sup>2</sup> đất tọa lạc phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT13879 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh A cấp ngày 27/10/2016, cập nhật chuyển nhượng ngày 19/10/2021. Hợp đồng thế chấp số 6731.22464.15590190.BD được công chứng tại văn phòng C, thành phố L, tỉnh An Giang, ngày 09/3/2022 theo quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông L, bà L1 không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, nên chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 30/12/2023 ông L, bà L1 có trả lãi được 259.721.096 đồng.

Tính đến ngày 11/3/2024 ông L, bà L1 còn nợ:

- Khế ước LD2303029300 ngày 30/01/2023 vốn 1.400.000.000đồng, lãi quá hạn 48.222.364 đồng, lãi chậm trả 881.152 đồng;
- Khế ước LD2303126040 30/01/2023 vốn 1.400.000.000đồng, lãi quá hạn 47.633.616đồng, lãi chậm trả 881.152 đồng; tổng cộng 2.943.077.315đồng.
- Nợ thẻ tín dụng: 45.437.031 đồng.

Do ông L bà L1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thành L, bà Trương Thị L1 thanh toán vốn, nợ lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 217504.21.464.15590190.TD ngày 21/12/2021, khế ước nhận nợ và thẻ tín dụng kể từ ngày 12/3/2024 cho đến khi thanh toán xong

Trường hợp H, bà K không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Thành L, bà Trương Thị L1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Nguyễn Thành L và bà Trương Thị L1 có vay vốn tại ngân hàng TMCP Q theo các hợp đồng tín dụng và có thế chấp tài sản. Trong quá trình vay vốn, mặc dù phía Ngân hàng có nhắc nhở nhiều lần nhưng ông L bà L1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nên Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Thành L và bà Trương Thị L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q tiền vốn và lãi tính đến ngày 20/8/2024 gồm: Tiền vốn là vốn 1.399.902.995 đồng, lãi quá hạn 7.214.795 đồng, lãi quá hạn 133.844.150 đồng, lãi chậm trả 464.513 đồng. Tổng cộng 1.541.426.453 đồng theo khế ước nhận nợ số LD2303029300 ngày 30/01/2023; Tiền vốn là 1.400.000.000đồng, lãi trong hạn 7.974.247 đồng, lãi quá hạn 132.144.656 đồng, lãi chậm trả 530.994 đồng; tổng cộng 1.540.649.879 đồng theo khế ước LD2303126040 30/01/2023. Tiền nợ thế tín dụng: 52.665.000 đồng.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP Q khởi kiện bị đơn cư trú tại xã L, huyện C, tỉnh An Giang; Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng TMCP Q với ông Nguyễn Thành L và bà Trương Thị L1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nhau, được thể hiện bằng: hợp đồng tín dụng số 217504.21.464.15590190.TD, khế ước nhận nợ số LD2303029300 ngày 30/01/2023 lãi suất 10,8% đến hạn trả 30/12/2023 số tiền giải ngân 1.400.000.000đồng; khế ước LD2303126040 30/01/2023 lãi suất 10,8% đến hạn trả 30/12/2023 với số tiền giải ngân 1.400.000.000đồng. Ngoài khoản vay, ông L, bà L1 còn yêu cầu ngân hàng TMCP Q phát hành thẻ tín dụng hạn mức 40.000.000đồng.

[223] Căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là hợp đồng tín dụng số 217504.21.464.15590190.TD, khế ước nhận nợ số LD2303029300 ngày 30/01/2023; khế ước LD2303126040 30/01/2023; Hợp đồng thế chấp số

6731.22464.15590190.BD được công chứng ngày 09/3/2022. Tuy nhiên cho đến hôm nay ông **L** bà **L1** không có ý kiến đối với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có giá trị pháp lý.

[2.4]. Về hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Về thực hiện hợp đồng, sau khi vay bị đơn có trả vốn và lãi còn nợ tiền vốn và lãi tính đến ngày 20/8/2024 ông **L**, bà **L1** còn nợ:

- Khế ước LD2303029300 ngày 30/01/2023 vốn 1.399.902.995 đồng, lãi quá hạn 7.214.795 đồng, lãi quá hạn 133.844.150 đồng, lãi chậm trả 464.513 đồng. Tổng cộng 1.541.426.453 đồng.

- Khế ước LD2303126040 31/01/2023 vốn 1.400.000.000đồng, lãi trong hạn 7.974.247 đồng, lãi quá hạn 132.144.656 đồng, lãi chậm trả 530.994 đồng; tổng cộng 1.540.649.879 đồng.

- Nợ thẻ tín dụng: 52.665.000 đồng.

[2.4]. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ là phù hợp quy định tại các Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[2.5]. Đối với hợp đồng thế chấp số 6731.22464.15590190.BD được công chứng ngày 09/3/2022 theo quy định pháp luật. Tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ tín dụng là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 118, tờ bản đồ số 56, diện tích 110,0m<sup>2</sup> đất tọa lạc phường B, thành phố L, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT13879 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh A cấp ngày 27/10/2016, cập nhật chuyển nhượng ngày 19/10/2021. Xét thấy, hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên nhằm đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ của ông **L** bà **L1** với nguyên đơn. Hợp đồng này ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên và được đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật nên Hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Do đó, khi ông **L** bà **L1** không thanh toán nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ là phù hợp.

[3]. Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định 1.000.000đ (do nguyên đơn tạm nộp) bị đơn phải chịu.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu là theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 147, 273, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng thương mại cổ phần Q.**

Buộc ông **Nguyễn Thành L** và bà **Trương Thị L1** có nghĩa vụ liên đới trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần Q** tính đến ngày 20/8/2024 số tiền như sau:

- Tiền vốn là vốn 1.399.902.995 đồng, lãi quá hạn 7.214.795 đồng, lãi quá hạn 133.844.150 đồng, lãi chậm trả 464.513 đồng. Tổng cộng 1.541.426.453 đồng theo khế ước nhận nợ số LD2303029300 ngày 30/01/2023;

- Tiền vốn là 1.400.000.000 đồng, lãi trong hạn 7.974.247 đồng, lãi quá hạn 132.144.656 đồng, lãi chậm trả 530.994 đồng; tổng cộng 1.540.649.879 đồng theo khế ước LD2303126040 30/01/2023.

- Tiền nợ thẻ tín dụng: 52.665.000 đồng.

Kể từ ngày 21/8/2024 ông **Nguyễn Thành L**, bà **Trương Thị L1** còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong **hợp đồng tín dụng số 217504.21.464.15590190.TD, khế ước nhận nợ số LD2303029300 ngày 30/01/2023; khế ước LD2303126040 30/01/2023** cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp ông **Nguyễn Thành L** và bà **Trương Thị L1** không trả được nợ, hoặc trả nợ chưa đầy đủ thì **Ngân hàng TMCP Q** đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 6731.22464.15590190.BD, ngày 09/3/2022; Tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ tín dụng là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 118, tờ bản đồ số 56, diện tích 110,0m<sup>2</sup> đất tọa lạc **phường B, thành phố L, tỉnh An Giang**. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT13879 do **Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh A** cấp ngày 27/10/2016 (cập nhật chuyển nhượng ngày 19/10/2021).

Chi phí tố tụng: 1.000.000đ (nguyên đơn tạm nộp) ông **Nguyễn Thành L** và bà **Trương Thị L1** có nghĩa vụ hoàn trả lại cho **Ngân hàng thương mại cổ phần Q** số tiền 1.000.000đ.

Án phí DSST:

Ông **Nguyễn Thành L** và bà **Trương Thị L1** phải chịu là **94.700.800** đồng.

Hoàn trả số tiền 45.430.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho **ngân hàng TMCP Q** theo biên lai số 0015453 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, được tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Bình**